

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
XU HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH
NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO VÀ XÂY DỰNG
QUÝ I VÀ DỰ BÁO QUÝ II NĂM 2026

Điều tra xu hướng sản xuất kinh doanh (SXKD) hằng quý bao gồm 6.239 doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và 5.975 doanh nghiệp ngành xây dựng được chọn mẫu điều tra, đại diện cho toàn ngành chế biến, chế tạo và xây dựng của 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tổng số doanh nghiệp trả lời trong kỳ điều tra quý I/2026 là 6.081 doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 97,5% số doanh nghiệp được chọn mẫu) và 5.739 doanh nghiệp ngành xây dựng (chiếm 96,1% số doanh nghiệp được chọn mẫu). Báo cáo kết quả điều tra xu hướng SXKD gồm hai phần:

Phần I: Xu hướng SXKD ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, phản ánh nhận định của doanh nghiệp về: (1) Tổng quan chung hoạt động SXKD; (2) Biến động của các yếu tố đầu vào (số lượng đơn đặt hàng, lao động, chi phí sản xuất, công suất sử dụng máy móc, thiết bị); (3) Dự kiến kết quả đầu ra (khối lượng sản xuất, giá bán bình quân của một sản phẩm); (4) Biến động tồn kho (tồn kho thành phẩm, tồn kho nguyên vật liệu); (5) Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp và (6) Kiến nghị của doanh nghiệp.

Phần II: Xu hướng SXKD ngành xây dựng, phản ánh nhận định của doanh nghiệp về: (1) Tổng quan chung hoạt động SXKD; (2) Biến động của các yếu tố đầu vào (lao động, chi phí sản xuất, hợp đồng xây dựng mới, năng lực hoạt động của doanh nghiệp); (3) Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; (4) Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp và (5) Kiến nghị của doanh nghiệp.

PHẦN I. XU HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

Theo đánh giá của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hoạt động SXKD quý I/2026 khó khăn hơn quý IV/2025 với 69,9% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD quý I/2026 so với quý IV/2025 tốt hơn và giữ ổn định (23,8% tốt hơn và 46,1% giữ ổn định), 30,1% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD khó khăn hơn¹. Dự báo quý II/2026 khả quan hơn với 78,3% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD quý II/2026 so với quý I/2026 tốt hơn và giữ

¹ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 79,1% doanh nghiệp đánh giá tình hình SXKD tốt hơn và giữ ổn định (35,2% tốt lên và 43,9% giữ ổn định); 20,9% doanh nghiệp đánh giá khó khăn hơn.

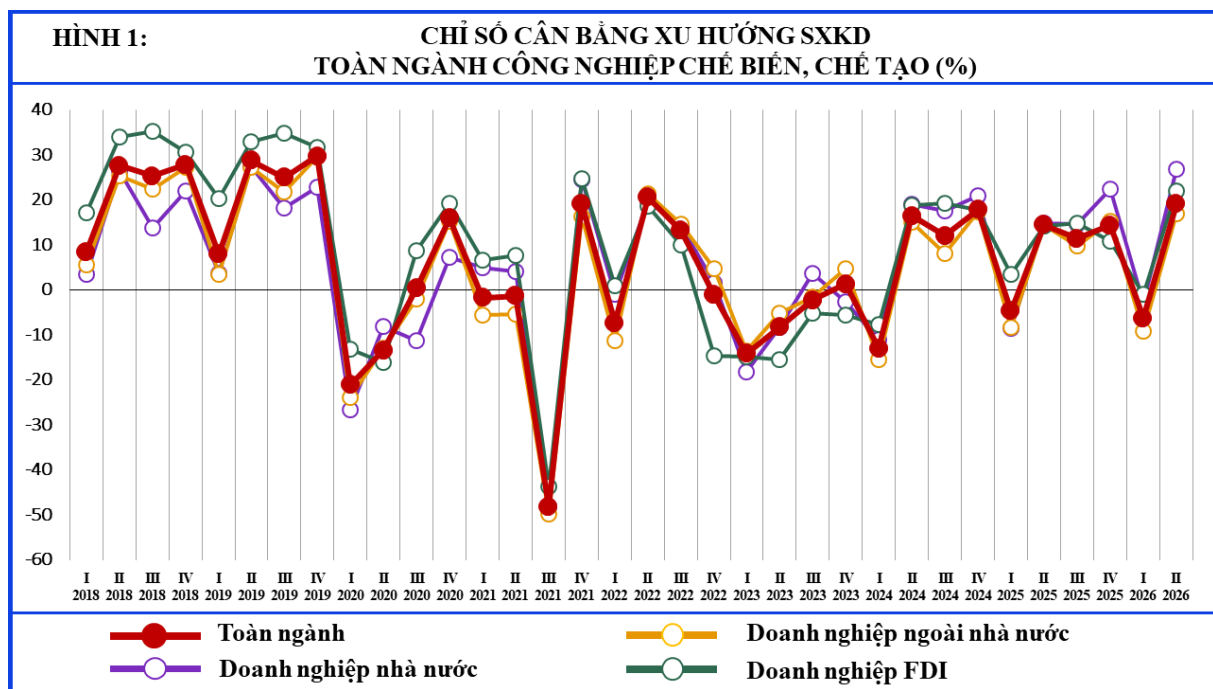
ổn định (40,8% tốt hơn, 37,5% giữ ổn định), 21,7% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD khó khăn hơn.

1. Tổng quan chung về hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá hoạt động SXKD của doanh nghiệp được thực hiện thông qua chỉ số cân bằng² chung và các chỉ số cân bằng thành phần, gồm: đơn đặt hàng mới, sử dụng lao động, khối lượng sản xuất và tồn kho thành phẩm. Chỉ số cân bằng chung đánh giá tổng quan xu hướng SXKD của doanh nghiệp, các chỉ số cân bằng thành phần phản ánh xu hướng biến động của từng khâu trong quá trình SXKD của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

1.1. Chỉ số cân bằng chung

Chỉ số cân bằng chung quý I/2026 so với quý IV/2025 là -6,3% (23,8% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD tốt hơn, 30,1% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD khó khăn hơn). Chỉ số cân bằng của khu vực doanh nghiệp FDI cao nhất với -1,0% (26,1% tốt hơn, 27,1% khó khăn hơn); khu vực doanh nghiệp nhà nước -2,8% (27,3% tốt hơn, 30,1% khó khăn hơn); khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -9,2% (22,3% tốt hơn, 31,5% khó khăn hơn).



Chỉ số cân bằng chung quý II/2026 so với quý I/2026 là 19,1% (40,8% doanh nghiệp dự báo hoạt động SXKD tốt hơn, 21,7% doanh nghiệp dự báo hoạt động SXKD khó khăn hơn). Chỉ số cân bằng khu vực doanh nghiệp nhà nước cao nhất với 26,9% (47,3% tốt hơn, 20,4% khó khăn hơn); khu vực doanh

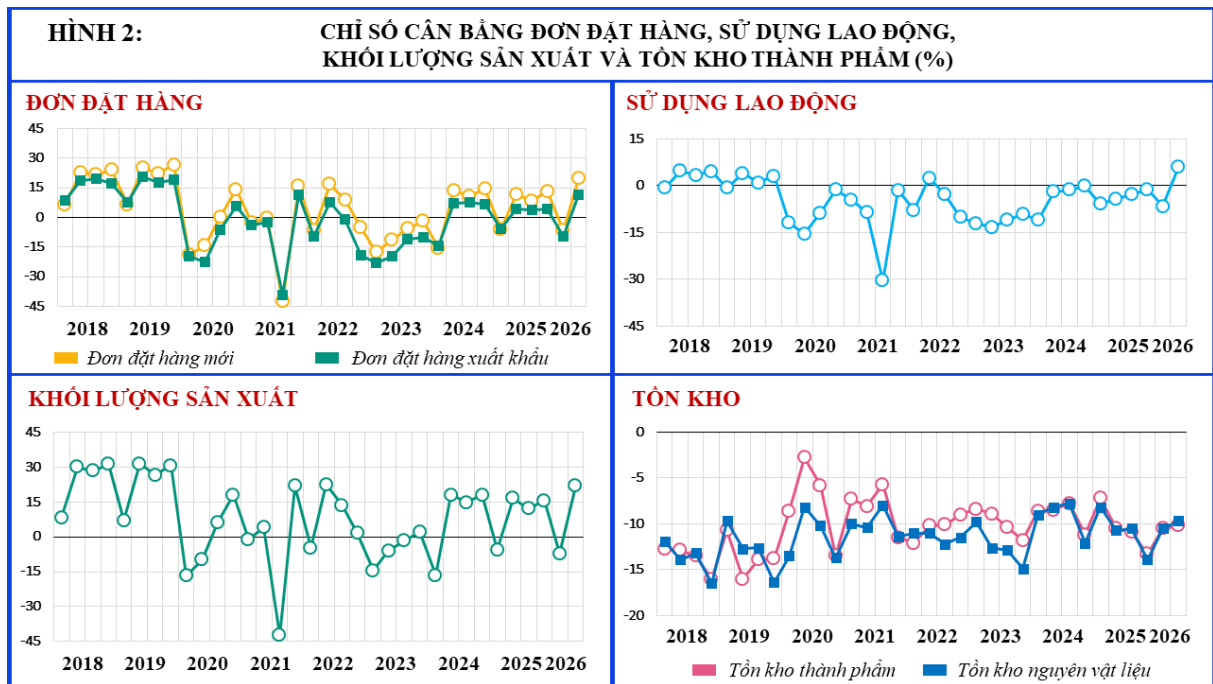
² Chỉ số cân bằng thể hiện số phần trăm doanh nghiệp nhận định tăng trừ đi số phần trăm doanh nghiệp nhận định giảm.

ngành FDI 21,9% (41,9% tốt hơn, 20,0% khó khăn hơn); khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước 17,0% (39,7% tốt hơn, 22,7% khó khăn hơn).

1.2. Chỉ số cân bằng đơn đặt hàng mới

Chỉ số cân bằng đơn đặt hàng mới quý I/2026 so với quý IV/2025 là -6,6% (21,9% doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng mới tăng, 28,5% doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng mới giảm). Trong đó, chỉ số cân bằng của khu vực doanh nghiệp nhà nước là 2,1%; khu vực doanh nghiệp FDI -1,5% khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước là -9,8%;

Chỉ số cân bằng đơn đặt hàng mới quý II/2026 so với quý I/2026 là 19,6% (37,7% doanh nghiệp dự báo tăng và 18,1% doanh nghiệp dự báo giảm); khu vực doanh nghiệp nhà nước có chỉ số cân bằng đạt cao nhất với 23,1%; khu vực doanh nghiệp FDI 21,5% và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước 18,4%.



1.3. Chỉ số cân bằng sử dụng lao động

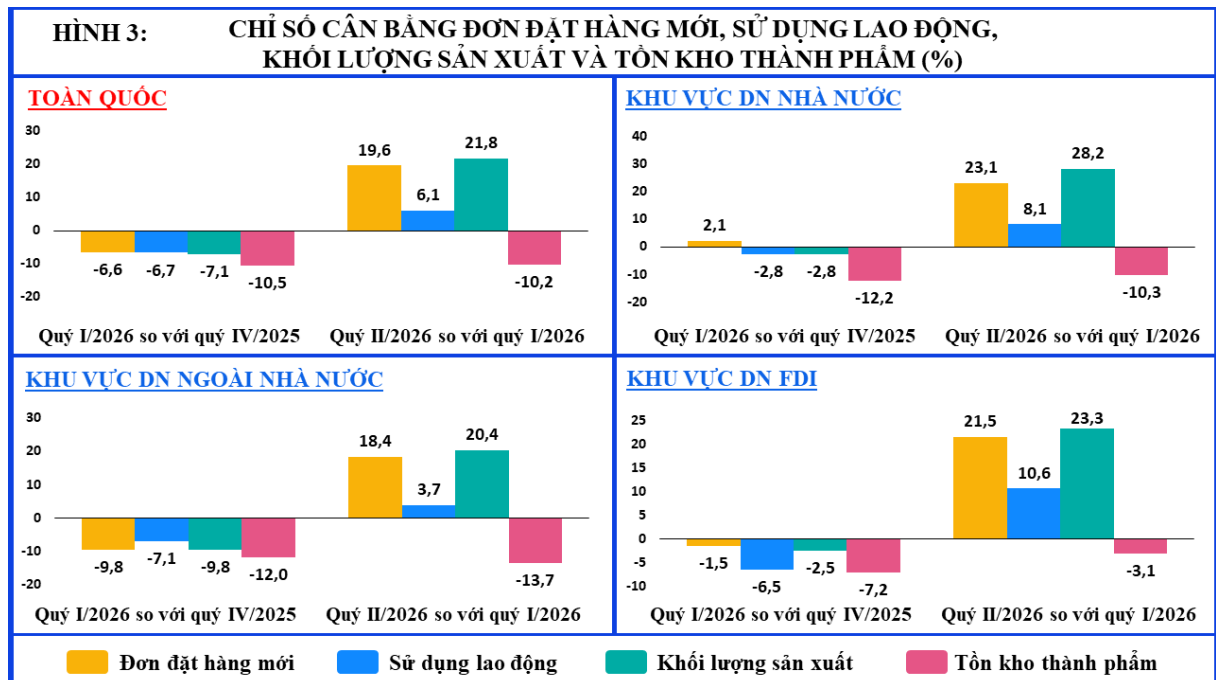
Chỉ số cân bằng sử dụng lao động quý I/2026 so với quý IV/2025 là -6,7% (11,1% doanh nghiệp nhận định lao động tăng, 17,8% doanh nghiệp nhận định lao động giảm). Chỉ số cân bằng của khu vực doanh nghiệp nhà nước -2,8% (11,6% tăng, 14,4% giảm); khu vực doanh nghiệp FDI -6,5% (15,3% tăng, 21,8% giảm); khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -7,1% (9,0% tăng, 16,1% giảm).

Chỉ số cân bằng sử dụng lao động quý II/2026 so với quý I/2026 là 6,1% (17,7% tăng và 11,6% giảm); khu vực doanh nghiệp FDI có chỉ số cân bằng cao nhất với 10,6%; khu vực doanh nghiệp nhà nước 8,1% và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước 3,7%.

1.4. Chỉ số cân bằng khối lượng sản xuất

Chỉ số cân bằng khối lượng sản xuất quý I/2026 so với quý IV/2025 là -7,1% (23,8% doanh nghiệp nhận định khối lượng sản xuất tăng; 30,9% doanh nghiệp nhận định khối lượng sản xuất giảm). Chỉ số cân bằng của khu vực doanh nghiệp FDI cao nhất với -2,5% (26,6% nhận định tăng, 29,1% nhận định giảm); khu vực doanh nghiệp nhà nước với -2,8% (27,9% nhận định tăng, 30,7% nhận định giảm); thấp nhất là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước với -9,8% (22,1% tăng, 31,9% giảm).

Chỉ số cân bằng khối lượng sản xuất quý II/2026 so với quý I/2026 là 21,8% (40,0% doanh nghiệp dự báo tăng, 18,2% doanh nghiệp dự báo giảm); khu vực doanh nghiệp nhà nước có chỉ số cân bằng đạt cao nhất với 28,2%; khu vực doanh nghiệp FDI 23,3% và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước 20,4%.



1.5. Chỉ số cân bằng tồn kho thành phẩm

Chỉ số cân bằng tồn kho thành phẩm quý I/2026 so với quý IV/2025 là -10,5% (17,6% doanh nghiệp nhận định tăng và 28,1% doanh nghiệp nhận định giảm). Chỉ số cân bằng ở khu vực doanh nghiệp FDI là -7,2% (19,5% tăng, 26,7% giảm); khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -12,0% (16,8% tăng, 28,8% giảm); khu vực doanh nghiệp nhà nước -12,2% (16,0% tăng, 28,2% giảm).

Chỉ số cân bằng tồn kho thành phẩm quý II/2026 so với quý I/2026 là -10,2% (17,0% tăng, 27,2% giảm); khu vực doanh nghiệp FDI -3,1%; khu vực doanh nghiệp nhà nước -10,3% và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -13,7%.

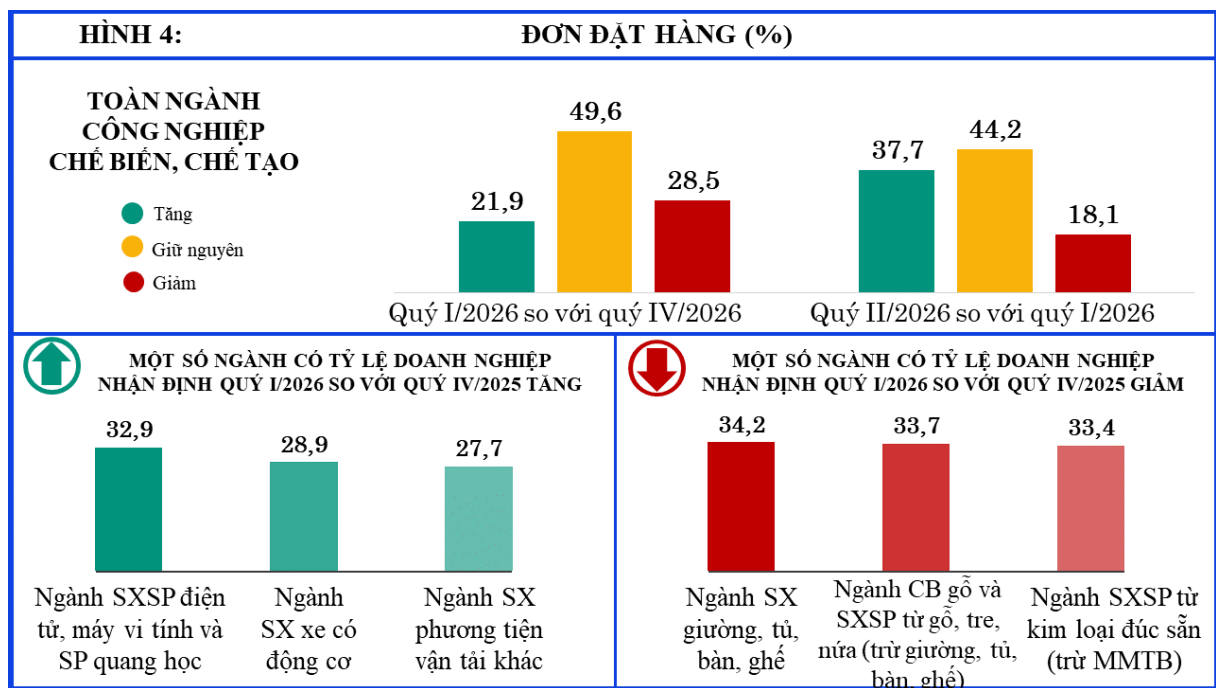
2. Biến động của các yếu tố đầu vào

2.1. Số lượng đơn đặt hàng

Theo kết quả khảo sát quý I/2026, có 71,5% doanh nghiệp nhận định số lượng đơn đặt hàng mới tăng và giữ nguyên so với quý IV/2025 (21,9% tăng, 49,6% giữ nguyên); 28,5% doanh nghiệp nhận định số lượng đơn đặt hàng mới giảm³.

Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng mới quý I/2026 so với quý IV/2025 tăng cao nhất với 32,9%. Ngược lại, ngành sản xuất giường tủ bàn ghế có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng giảm nhiều nhất với 34,2%.

Dự báo số lượng đơn đặt hàng mới quý II/2026 so với quý I/2026 tăng với 81,9% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên (37,7% tăng, 44,2% giữ nguyên), 18,1% doanh nghiệp dự báo số lượng đơn đặt hàng mới giảm.



Đơn đặt hàng xuất khẩu

Trong số các doanh nghiệp được khảo sát, có 72,7% doanh nghiệp nhận định số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới quý I/2026 tăng và giữ nguyên so với quý IV/2025 (17,7% tăng, 55,0% giữ nguyên), tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm là 27,3%⁴.

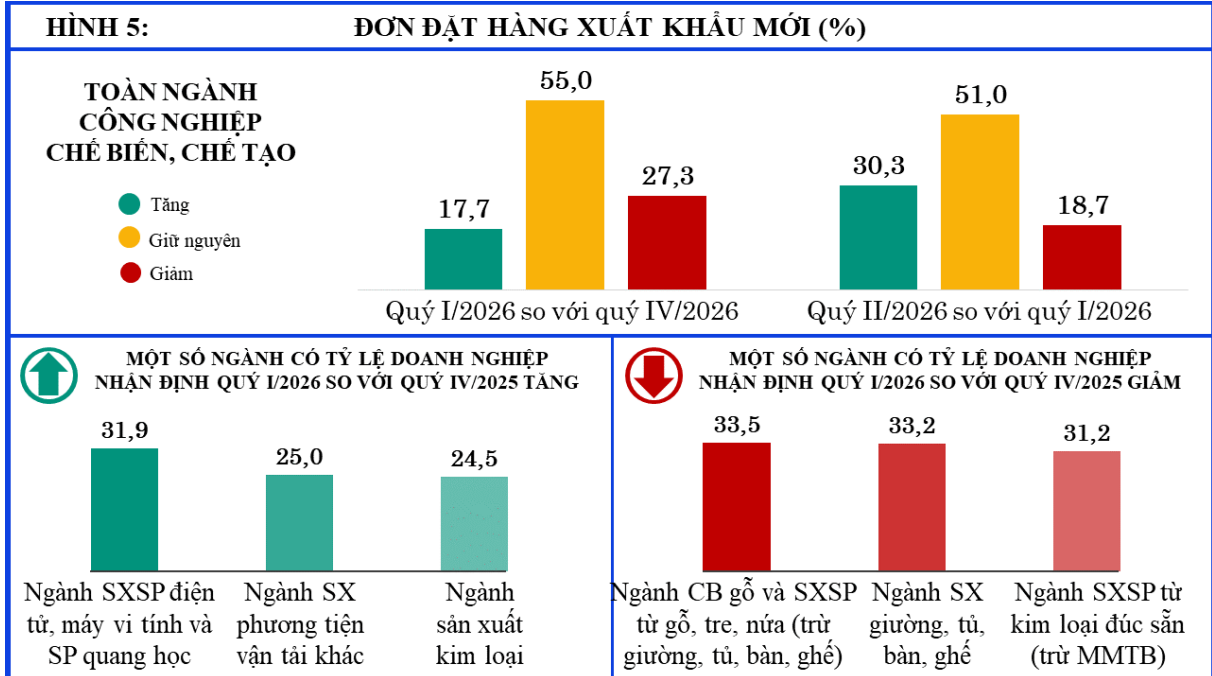
Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học nhận định đơn đặt hàng xuất khẩu mới quý I/2026 so với quý IV/2025 tăng cao nhất với 31,9%. Ngược lại, ngành chế biến gỗ sản xuất sản

³ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 79,3% doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng và giữ nguyên (33,8% tăng; 45,5% giữ nguyên) và 20,7% nhận định giảm.

⁴ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 78,0% doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng và giữ nguyên (26,0% tăng; 52,0% giữ nguyên) và 22,0% nhận định giảm.

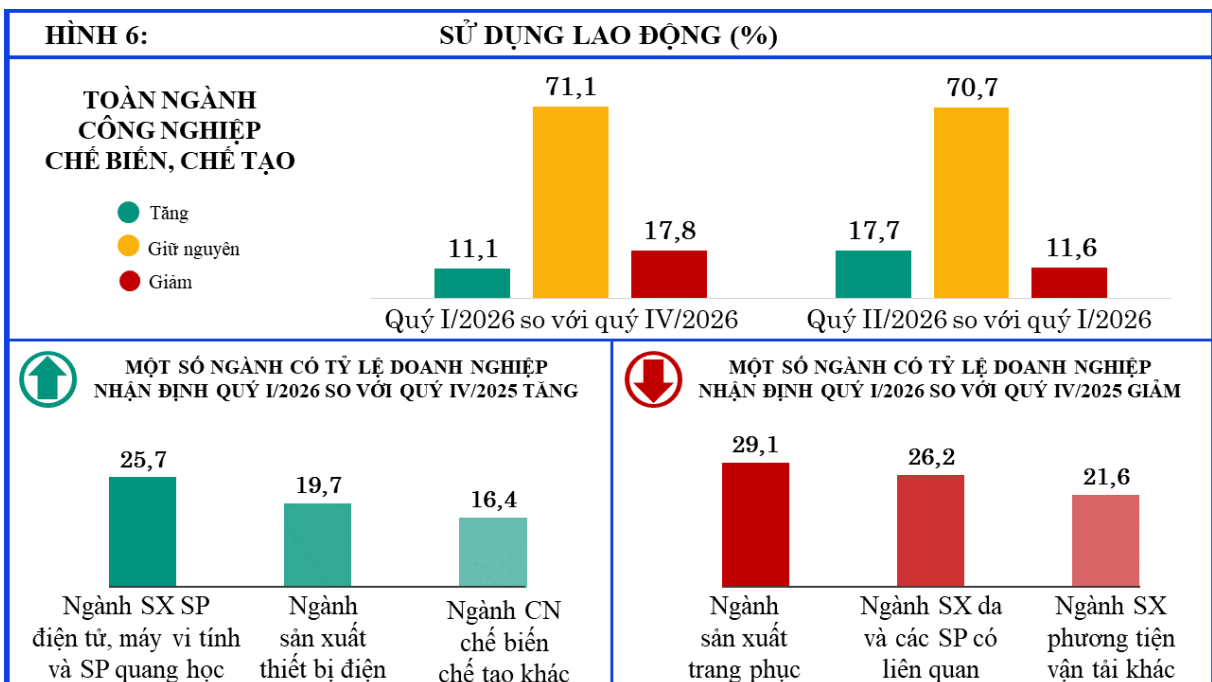
phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm nhiều nhất với 33,5%.

Các doanh nghiệp dự báo số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới quý II/2026 khả quan hơn với 81,3% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên so với quý I/2026 (30,3% tăng, 51,0% giữ nguyên); 18,7% doanh nghiệp dự báo giảm.



2.2. Sử dụng lao động

Quý I/2026 có 11,1% doanh nghiệp nhận định sử dụng lao động tăng so với quý IV/2025; 71,1% doanh nghiệp nhận định giữ nguyên và 17,8% doanh nghiệp nhận định giảm⁵.



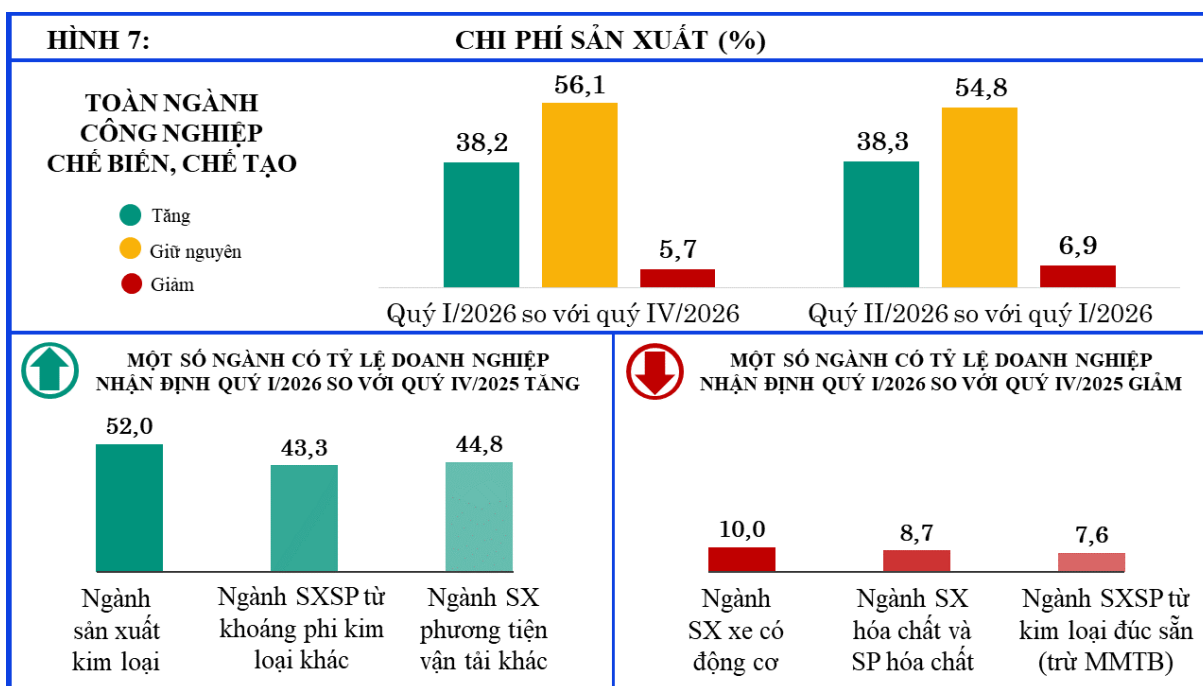
⁵ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 13,3% doanh nghiệp nhận định sử dụng lao động tăng, 72,2% giữ nguyên và 14,5% nhận định giảm.

Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định lao động quý I/2026 so với quý IV/2025 tăng cao nhất với 25,7%. Ngược lại, ngành sản xuất trang phục nhận định lao động quý I/2026 so với quý IV/2025 giảm nhiều nhất với 29,1%.

Dự báo sử dụng lao động quý II/2026 khả quan hơn quý I/2026 với 88,4% số doanh nghiệp dự kiến số lao động tăng và giữ nguyên (17,7% tăng, 70,7% giữ nguyên); 11,6% doanh nghiệp dự kiến lao động giảm.

2.3. Chi phí sản xuất

Kết quả khảo sát cho thấy, quý I/2026 có 94,3% doanh nghiệp nhận định chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm tăng và giữ nguyên (38,2% tăng, 56,1% giữ nguyên); 5,7% doanh nghiệp nhận định giảm⁶ so với quý IV/2025.



Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất kim loại có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm quý I/2026 so với quý IV/2025 tăng cao nhất với 52,0%. Ngược lại, ngành sản xuất xe có động cơ có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm quý I/2026 so với quý IV/2025 giảm nhiều nhất với 10,0%.

Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026, có 93,1% doanh nghiệp dự báo chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm tăng và giữ nguyên (38,3% tăng, 54,8% giữ nguyên), 6,9% doanh nghiệp dự báo chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm giảm.

⁶ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 93,3% doanh nghiệp nhận định chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm tăng và giữ nguyên (28,7% tăng; 64,6% giữ nguyên) và 6,7% nhận định giảm.

2.4. Công suất sử dụng máy móc, thiết bị

Trong quý I/2026, công suất sử dụng máy móc, thiết bị bình quân của các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo là 74,8%⁷. Có 43,0% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng máy móc, thiết bị từ 70% đến dưới 90%; 30,7% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng từ 90% đến 100%; 17,6% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng từ 50% đến dưới 70% và 8,7% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng dưới 50%.

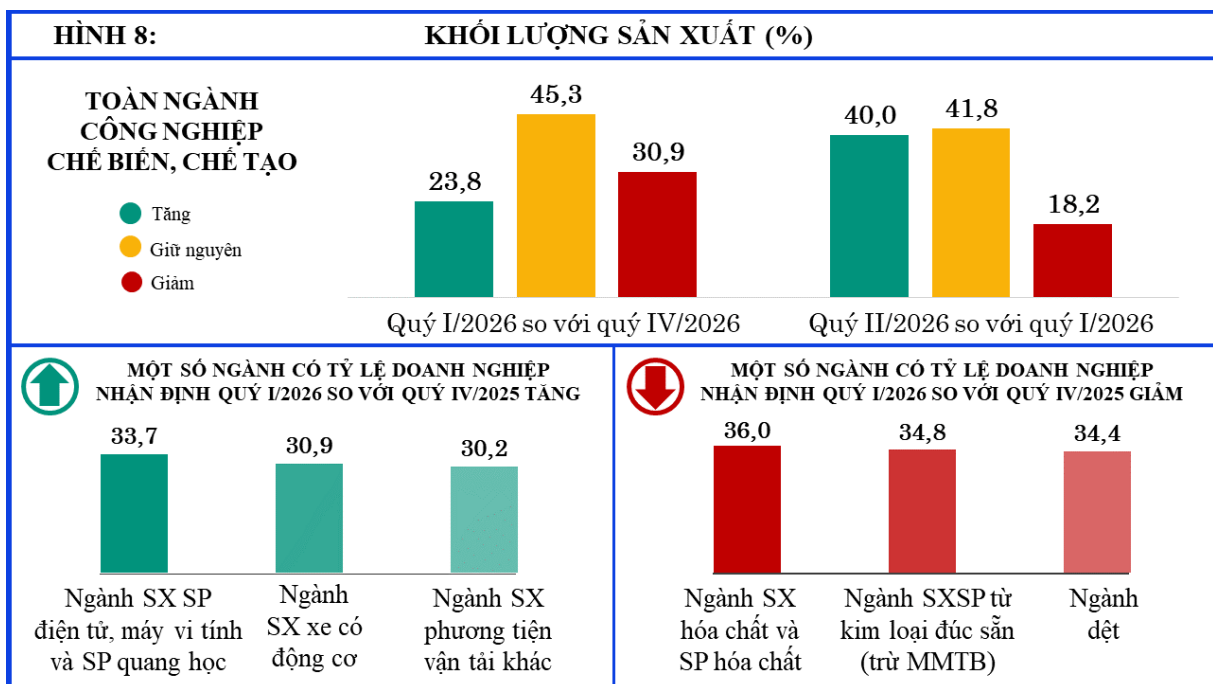
Theo ngành kinh tế, quý I/2026, ngành sản xuất trang phục là ngành có công suất sử dụng máy móc thiết bị bình quân cao nhất với 81,0%. Ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng máy móc thiết bị bình quân thấp nhất với 69,6%.

3. Dự kiến kết quả đầu ra

3.1. Khối lượng sản xuất

Kết quả khảo sát quý I/2026, có 69,1% doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất tăng và giữ nguyên so với quý IV/2025 (23,8% tăng, 45,3% giữ nguyên), 30,9% doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất giảm⁸.

Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định khối lượng sản xuất quý I/2026 so với quý IV/2025 tăng cao nhất với 33,7%. Ngược lại, ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định khối lượng sản xuất giảm nhiều nhất với 36,0%.



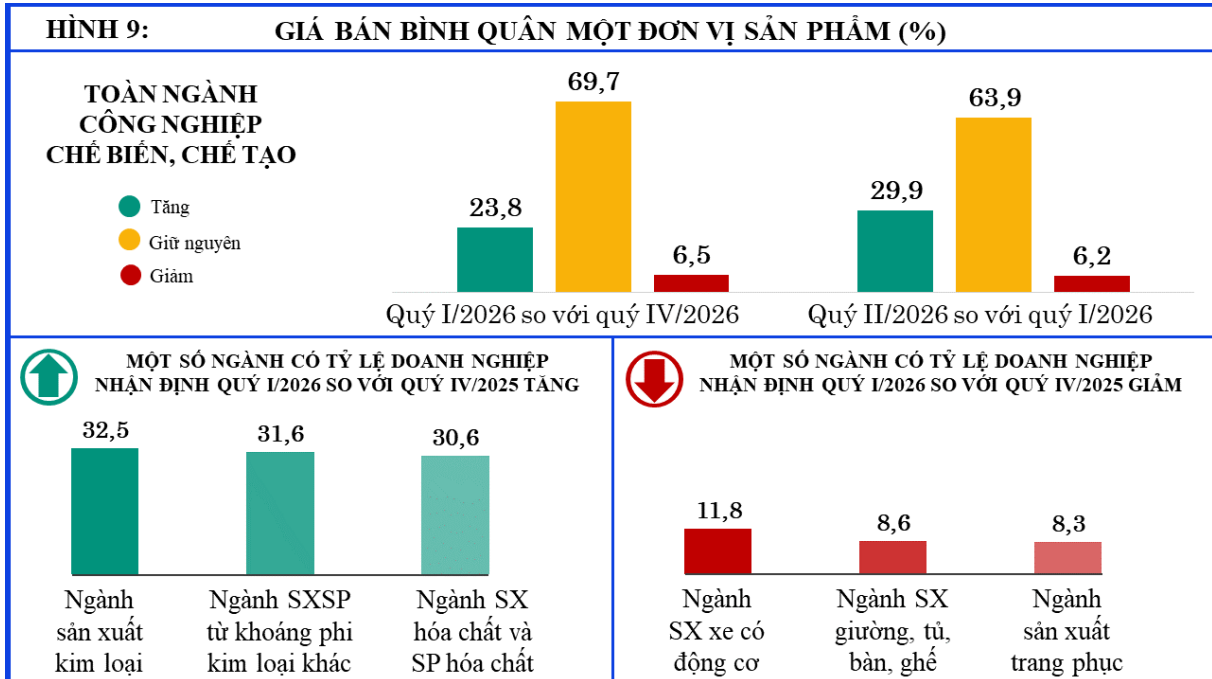
⁷ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025 là 75,4%.

⁸ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 78,7% doanh nghiệp nhận định khối lượng sản xuất tăng và giữ nguyên (36,8% tăng; 41,9% giữ nguyên) và 21,3% doanh nghiệp nhận định giảm.

Khối lượng sản xuất quý II/2026 so với quý I/2026 khả quan hơn với 81,8% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên (40,0% tăng, 41,8% giữ nguyên), 18,2% doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất giảm.

3.2. Giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm

Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm quý I/2026 so với quý IV/2025 tăng và giữ nguyên là 93,5% (23,8% tăng, 69,7% giữ nguyên), 6,5% doanh nghiệp cho biết giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm giảm⁹.



Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất kim loại có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm quý I/2026 so với quý IV/2025 tăng cao nhất với 32,5%. Ngược lại, ngành sản xuất xe có động cơ nhận định giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm giảm nhiều nhất với 11,8%.

Nhận định về giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm quý II/2026 so với quý I/2026, có 93,8% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên (29,9% tăng, 63,9% giữ nguyên), 6,2% doanh nghiệp dự báo giảm.

4. Biến động tồn kho

4.1. Tồn kho thành phẩm

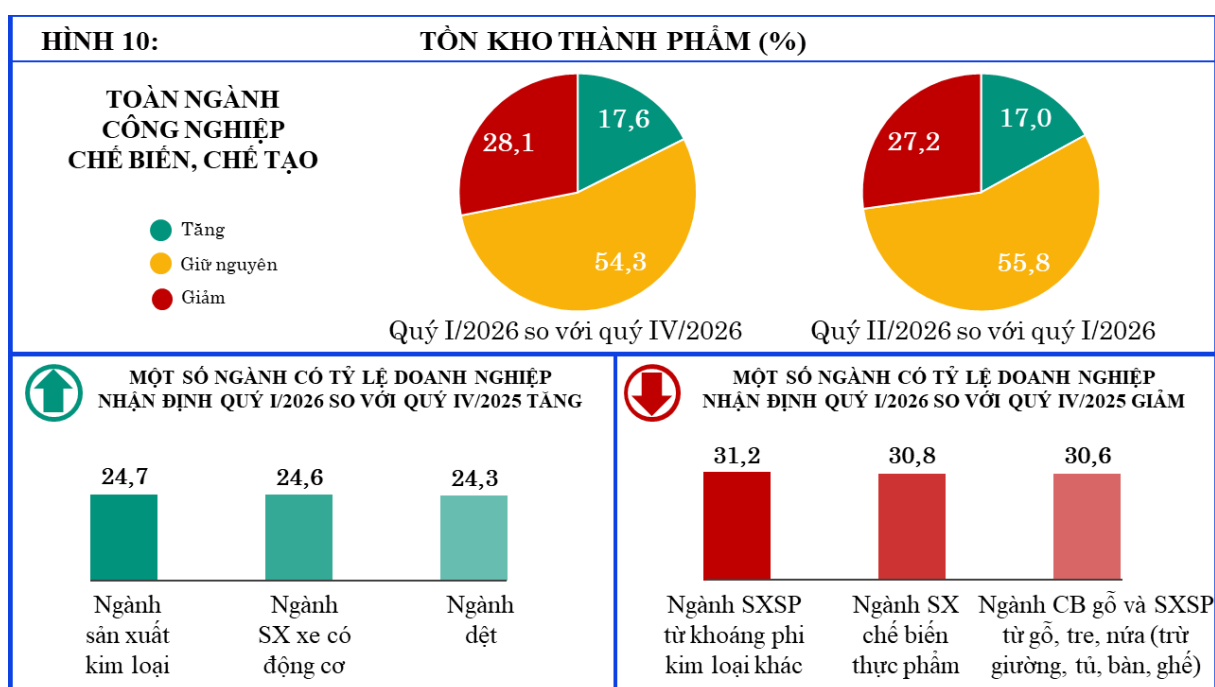
Theo kết quả khảo sát, có 17,6% doanh nghiệp nhận định khối lượng thành phẩm tồn kho quý I/2026 tăng so với quý IV/2025; 54,3% doanh nghiệp đánh giá giữ nguyên và 28,1% đánh giá giảm¹⁰.

⁹ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 91,7% doanh nghiệp nhận định giá bình quân một đơn vị sản phẩm tăng và giữ nguyên (17,9% tăng; 73,8% giữ nguyên) và 8,3% giảm.

¹⁰ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 17,1% doanh nghiệp đánh giá tồn kho thành phẩm tăng; 52,5% doanh nghiệp đánh giá giữ nguyên; 30,4% doanh nghiệp đánh giá giảm.

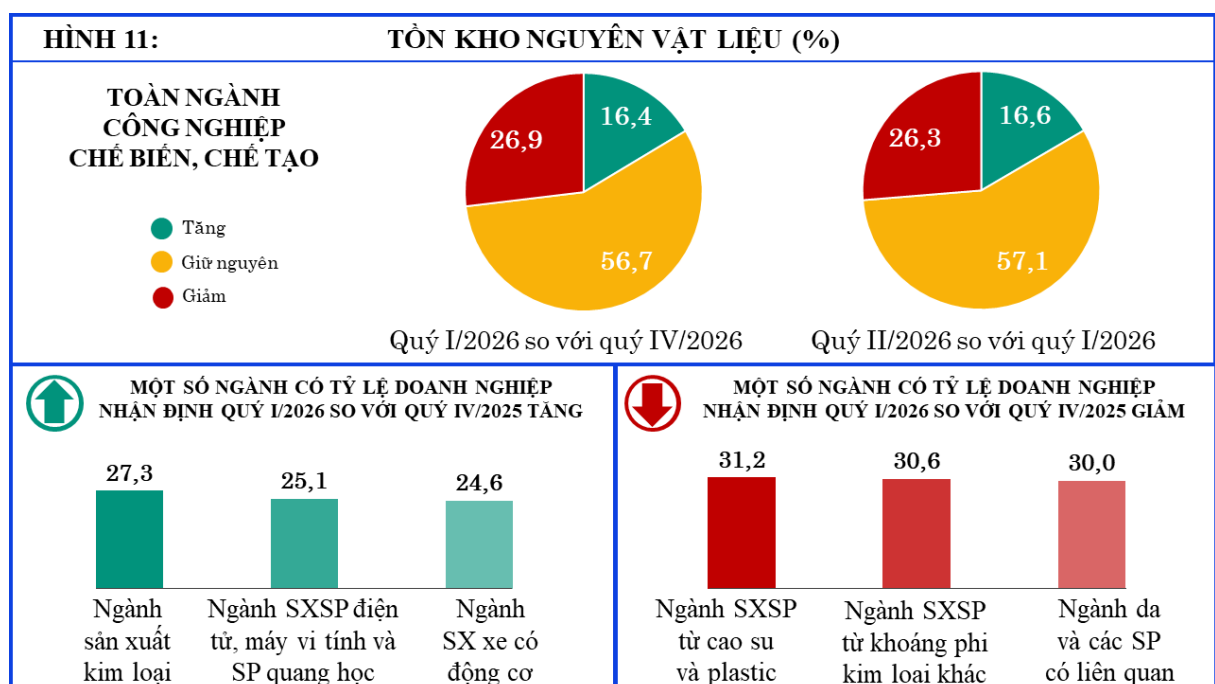
Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất kim loại có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định tồn kho thành phẩm quý I/2026 so với quý IV/2025 tăng cao nhất với 24,7%. Ngược lại, ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định tồn kho thành phẩm quý I/2026 so với quý IV/2025 giảm nhiều nhất với 31,2%.

Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026, có 17,0% doanh nghiệp dự báo khối lượng tồn kho thành phẩm tăng; 55,8% doanh nghiệp dự báo giữ nguyên khối lượng tồn kho thành phẩm; 27,2% doanh nghiệp dự báo khối lượng tồn kho thành phẩm giảm.



4.2. Tồn kho nguyên vật liệu

Kết quả khảo sát cho thấy:

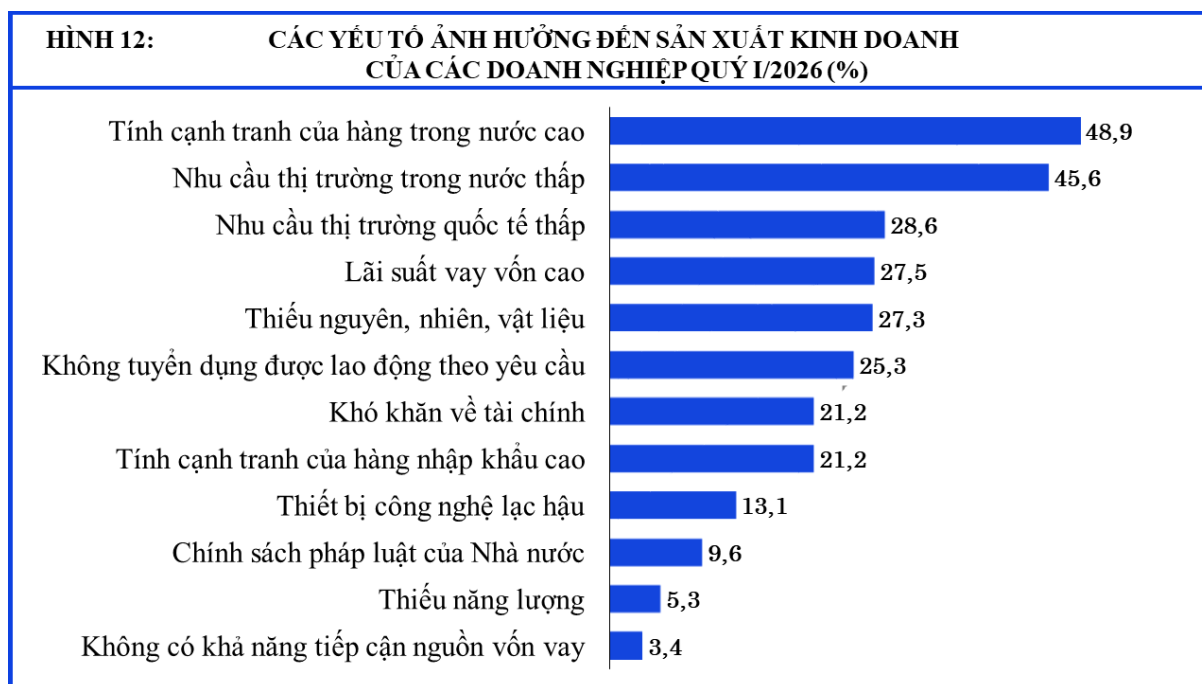


Có 73,1% doanh nghiệp nhận định tồn kho nguyên vật liệu quý I/2026 so với quý IV/2025 tăng và giữ nguyên (16,4% tăng, 56,7% giữ nguyên), 26,9% doanh nghiệp nhận định giảm¹¹.

Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026, có 16,6% doanh nghiệp đánh giá khối lượng tồn kho nguyên vật liệu tăng, 57,1% doanh nghiệp đánh giá giữ nguyên và 26,3% doanh nghiệp dự kiến giảm khối lượng tồn kho nguyên vật liệu.

5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp

Trong quý I/2026, ba khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn là việc tìm kiếm và mở rộng thị trường đầu ra cho sản phẩm. Cụ thể: có 48,9% doanh nghiệp gặp khó khăn do sự cạnh tranh của các hàng hóa trong nước ngày càng cao; 45,6% doanh nghiệp gặp khó khăn do nhu cầu thị trường trong nước vẫn ở mức thấp và 28,6% doanh nghiệp gặp khó khăn do nhu cầu hàng hóa tại các thị trường quốc tế vẫn chưa phục hồi như kỳ vọng.



Thiếu nguyên, nhiên, vật liệu là yếu tố ảnh hưởng đến SXKD có nhiều biến động nhất so với quý trước: có tới 27,3% doanh nghiệp cho biết việc thiếu nguyên, nhiên, vật liệu đã ảnh hưởng đến hoạt động SXKD quý I/2026, cao hơn 7,6 điểm phần trăm so với quý trước. *Lãi suất vay vốn cao* và *thiếu năng lượng* là hai yếu tố có nhiều biến động so với quý trước, cao hơn lần lượt là 4,7 và 3,4 điểm phần trăm so với quý trước.

Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá yếu tố *Nhu cầu thị trường trong nước thấp* ảnh hưởng lớn đến SXKD của doanh nghiệp quý I/2026 là 45,6%, giảm 3,7 điểm phần trăm so với quý trước.

¹¹ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 15,9% doanh nghiệp nhận định tồn kho nguyên vật liệu tăng; 54,3% nhận định giữ nguyên; 29,8% nhận định giảm.

6. Kiến nghị của doanh nghiệp

Trong thời gian qua, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã có nhiều giải pháp hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp, để giúp doanh nghiệp phát triển SXKD hiệu quả hơn nữa, các doanh nghiệp kiến nghị:

Thứ nhất, có 48,7 doanh nghiệp kiến nghị Nhà nước có các biện pháp bình ổn giá nguyên vật liệu, năng lượng. Tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn *Bình ổn giá nguyên vật liệu, năng lượng* tăng 19,5 điểm phần trăm so với quý trước. Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp kiến nghị bình ổn giá nguyên vật liệu, năng lượng cao hơn mức bình quân chung cả nước, gồm: ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác 58,5%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện 55,3%; ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) 53,4%. Một số địa phương có tỷ lệ doanh nghiệp kiến nghị cần được hỗ trợ bình ổn giá nguyên vật liệu, năng lượng lớn hơn mức bình quân chung của cả nước như: Ninh Bình 60,5%; Hưng Yên 60,3%; Hà Nội 59,8% và Bắc Ninh 55,6%.

Thứ hai, có 40,6% doanh nghiệp kiến nghị các ngân hàng tiếp tục giảm lãi suất cho vay. Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp kiến nghị giảm lãi suất cho vay lớn hơn mức bình quân chung cả nước gồm: ngành sản xuất kim loại 54,1%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) 49,1%; ngành sản xuất chế biến thực phẩm 45,4%; ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) 45,1%; ngành dệt 44,7%; Một số địa phương có tỷ lệ doanh nghiệp kiến nghị giảm lãi suất cho vay lớn hơn mức bình quân chung của cả nước như: Bắc Ninh 48,3%; Hà Nội 47,7%; Gia Lai 45,8% và Hưng Yên 45,2%.

Thứ ba, có 33,5% doanh nghiệp mong muốn được ổn định nguồn cung nguyên vật liệu. Một số ngành có tỷ lệ doanh nghiệp mong muốn được hỗ trợ cao hơn mức bình quân chung cả nước, gồm: ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác 47,6%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện 42,5%; ngành sản xuất, chế biến thực phẩm 36,8%. Một số địa phương có tỷ lệ doanh nghiệp kiến nghị cần được ổn định nguồn cung nguyên vật liệu cao hơn mức bình quân chung cả nước, gồm: Ninh Bình 43,5%; Hưng Yên 42,9% và Bắc Ninh 42,7%.

Bên cạnh đó, có 24,7% doanh nghiệp mong muốn được hỗ trợ rút ngắn thời gian và cắt giảm quy trình xử lý thủ tục hành chính để thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Có 20,0% doanh nghiệp mong muốn được giảm tiền thuê đất phục vụ SXKD. Có 19,0% doanh nghiệp mong muốn được hỗ trợ cắt giảm thủ tục và điều kiện vay vốn.

PHẦN II. XU HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NGÀNH XÂY DỰNG

Hoạt động SXKD của các doanh nghiệp xây dựng trong quý I/2026 được đánh giá khó khăn hơn so với quý IV/2025, với 16,2% doanh nghiệp nhận định thuận lợi hơn; 39,4% doanh nghiệp nhận định giữ ổn định và 44,4% doanh nghiệp nhận định khó khăn hơn¹². Dự báo quý II/2026, các doanh nghiệp dự báo tình hình SXKD thuận lợi hơn so với quý I/2026. Cụ thể, 27,1% doanh nghiệp dự báo hoạt động SXKD thuận lợi hơn; 38,2% nhận định giữ ổn định và 34,7% dự báo khó khăn hơn.

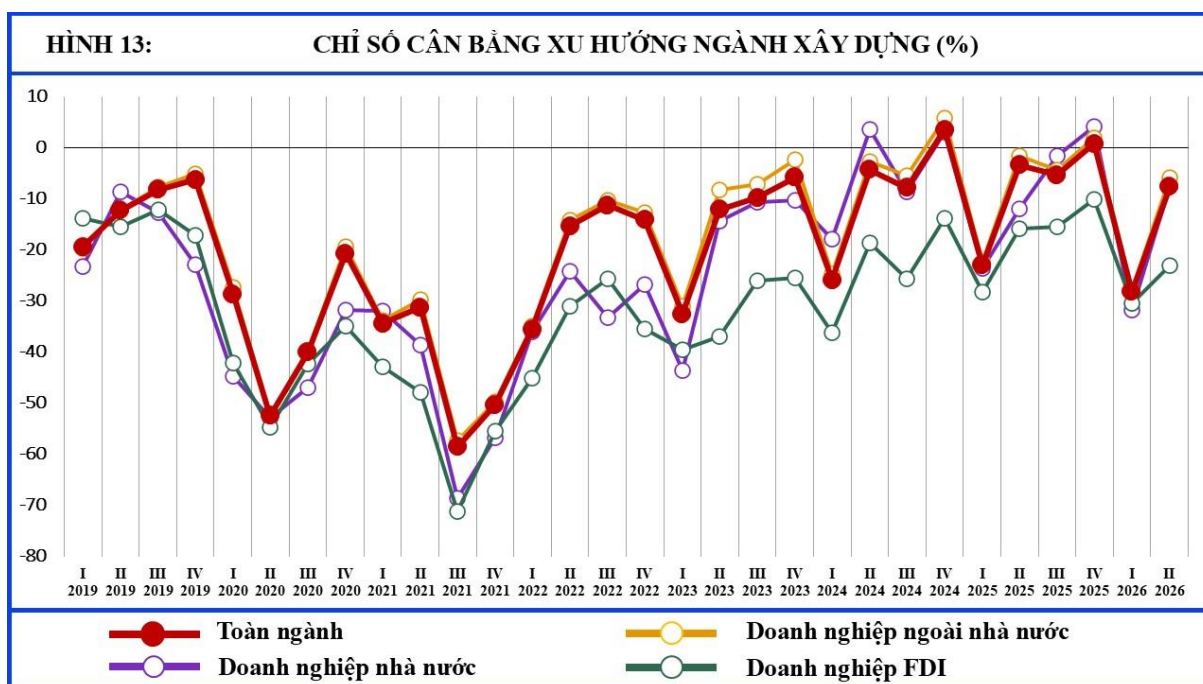
1. Tổng quan chung về hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá hoạt động SXKD của doanh nghiệp xây dựng được thực hiện trên cơ sở các chỉ số cân bằng. Chỉ số cân bằng chung đánh giá tổng quan xu hướng SXKD của doanh nghiệp, các chỉ số cân bằng thành phần (hợp đồng xây dựng mới, vay vốn phục vụ SXKD, chi phí sản xuất, sử dụng lao động) đánh giá về từng hoạt động SXKD cụ thể của các doanh nghiệp xây dựng.

1.1. Chỉ số cân bằng chung

Chỉ số cân bằng xu hướng SXKD ngành xây dựng quý I/2026 so với quý IV/2025¹³ là -28,2% (16,2% doanh nghiệp nhận định hoạt động SXKD thuận lợi hơn và 44,4% doanh nghiệp nhận định hoạt động SXKD khó khăn hơn).

Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026 thuận lợi hơn với chỉ số cân bằng là -7,6% (27,1% doanh nghiệp nhận định thuận lợi hơn và 34,7% doanh nghiệp nhận định khó khăn hơn).



¹² Chỉ số tương ứng của quý IV/2025 là: 28,9% doanh nghiệp nhận định thuận lợi hơn; 43,0% doanh nghiệp nhận định giữ ổn định và 28,1% doanh nghiệp nhận định khó khăn hơn.

¹³ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 0,8% (28,9% doanh nghiệp nhận định hoạt động SXKD thuận lợi hơn và 28,1% doanh nghiệp nhận định hoạt động SXKD khó khăn hơn).

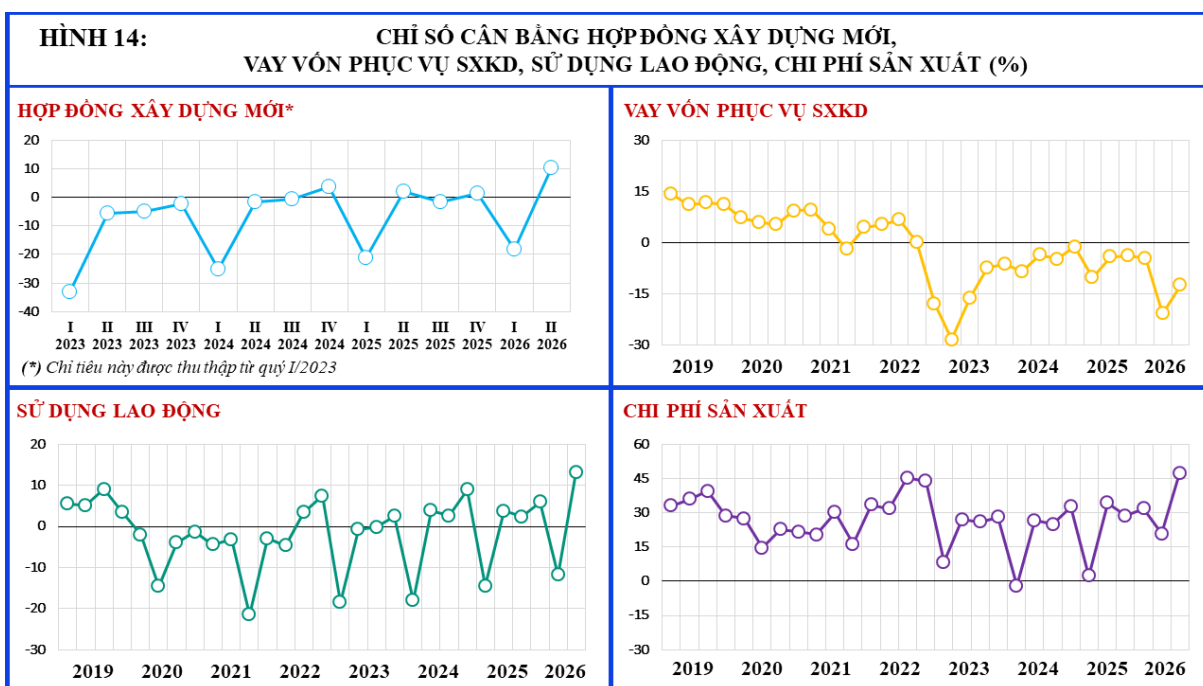
1.2. Chỉ số cân bằng hợp đồng xây dựng mới

Chỉ số cân bằng hợp đồng xây dựng mới quý I/2026 so với quý IV/2025 là -18,3% (16,6% doanh nghiệp nhận định tăng; 34,9% doanh nghiệp nhận định giảm). Chỉ số cân bằng hợp đồng xây dựng mới quý II/2026 so với quý I/2026 là 10,4% (30,4% doanh nghiệp dự báo tăng; 20,0% doanh nghiệp dự báo giảm).

Theo ngành kinh tế, quý I/2026 so với quý IV/2025, doanh nghiệp xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng¹⁴ có chỉ số cân bằng hợp đồng xây dựng mới khả quan nhất là -16,8%; doanh nghiệp hoạt động xây dựng nhà các loại¹⁵ -18,1%; doanh nghiệp hoạt động xây dựng chuyên dụng¹⁶ -20,5%. Quý II/2026, các doanh nghiệp xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng dự báo chỉ số cân bằng hợp đồng xây dựng mới so với quý I/2026 cao nhất với 14,8%; doanh nghiệp xây dựng nhà các loại 9,7% và doanh nghiệp hoạt động xây dựng chuyên dụng 6,4%.

1.3. Chỉ số cân bằng về vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh

Chỉ số cân bằng về vay vốn phục vụ SXKD quý I/2026 so với quý IV/2025 là -20,7% (12,7% doanh nghiệp dự báo tăng và 33,4% dự báo giảm)¹⁷. Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026 thuận lợi hơn với -12,4% (14,6% doanh nghiệp dự báo tăng và 27,0% dự báo giảm).



¹⁴ Bao gồm: xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, công trình thủy, công trình điện, công trình cấp thoát nước, công trình viễn thông, nhà máy lọc dầu, công trình thể thao ngoài trời,...

¹⁵ Bao gồm: xây dựng nhà ở, nhà xưởng, bệnh viện, trường học, khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại, nhà ga hàng không, nhà kho, khu thể thao trong nhà, ...

¹⁶ Bao gồm: hoạt động phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, ép cọc; hoạt động hoàn thiện công trình: trát vữa, sơn tường, lắp đặt thiết bị nội thất, lắp hệ thống điện, nước,...

¹⁷ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: -4,5% (16,9% doanh nghiệp dự báo tăng và 21,4% dự báo giảm).

1.4. Các chỉ số cân bằng chi phí sản xuất

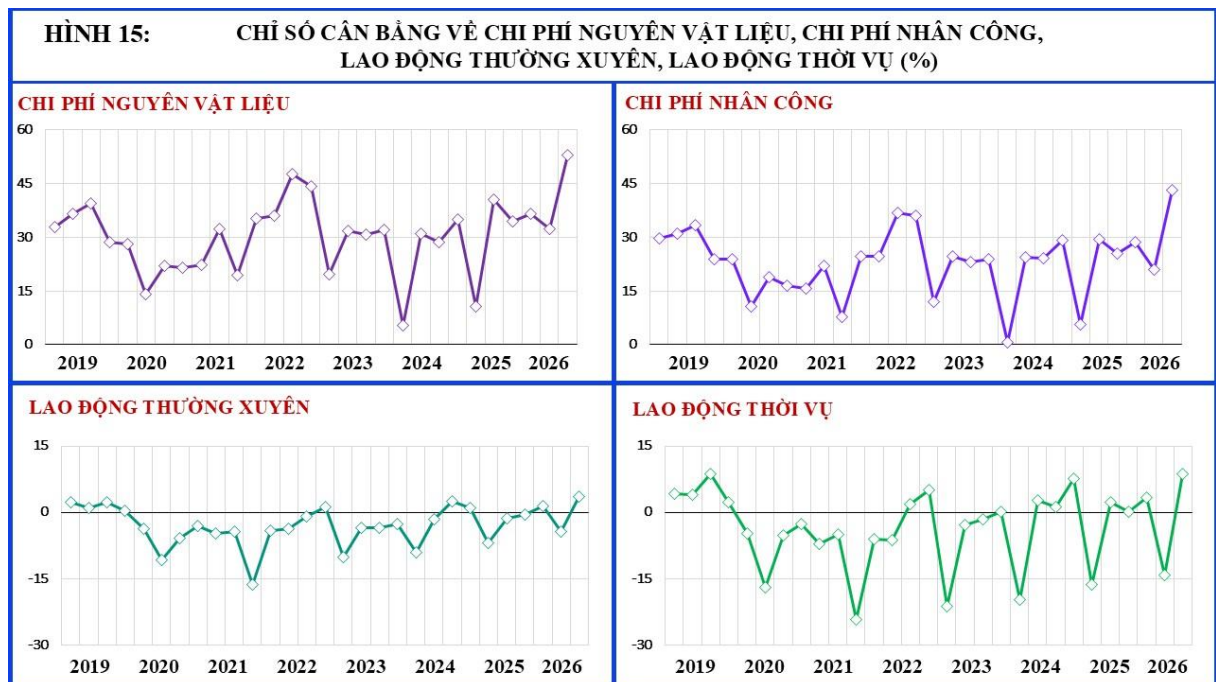
Chỉ số cân bằng tổng chi phí cho hoạt động xây dựng quý I/2026 so với quý IV/2025 là 20,9% (45,4% doanh nghiệp dự báo tăng và 24,5% doanh nghiệp dự báo giảm)¹⁸. Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026 chỉ số cân bằng tăng, với 47,5% (57,7% doanh nghiệp dự báo tăng và 10,2% doanh nghiệp dự báo giảm).

Chỉ số cân bằng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp quý I/2026 so với quý IV/2025 là 32,4% (52,9% doanh nghiệp dự báo tăng và 20,5% dự báo giảm)¹⁹. Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026 tăng với 52,9% (62,1% doanh nghiệp dự báo tăng và 9,2% dự báo giảm).

Chỉ số cân bằng chi phí nhân công trực tiếp quý I/2026 so với quý IV/2025 là 21,1% (41,3% doanh nghiệp dự báo tăng và 20,2% dự báo giảm)²⁰. Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026 tăng với 43,1% (51,9% doanh nghiệp dự báo tăng và 8,8% dự báo giảm).

1.5. Các chỉ số cân bằng sử dụng lao động

Chỉ số cân bằng sử dụng lao động chung quý I/2026 so với quý IV/2025 là -11,8% (14,7% doanh nghiệp dự báo tăng và 26,5% dự báo giảm)²¹. Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026 tăng với 13,2% (25,9% doanh nghiệp dự báo tăng và 12,7% dự báo giảm).



Chỉ số cân bằng sử dụng lao động thường xuyên quý I/2026 so với quý IV/2025 là -4,3% (8,8% doanh nghiệp dự báo tăng và 13,1% dự báo giảm)²². Dự

¹⁸ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 31,8% (47,9% doanh nghiệp dự báo tăng và 16,1% doanh nghiệp dự báo giảm).

¹⁹ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 36,5% (51,0% doanh nghiệp dự báo tăng và 14,5% dự báo giảm).

²⁰ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 28,6% (42,8% doanh nghiệp dự báo tăng và 14,2% dự báo giảm).

²¹ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 56,0% (23,0% doanh nghiệp dự báo tăng và 17,0% dự báo giảm).

²² Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 1,5% (11,1% doanh nghiệp dự báo tăng và 9,6% dự báo giảm).

báo quý II/2026 so với quý I/2026 tăng với 3,5% (11,9% doanh nghiệp dự báo tăng và 8,4% dự báo giảm).

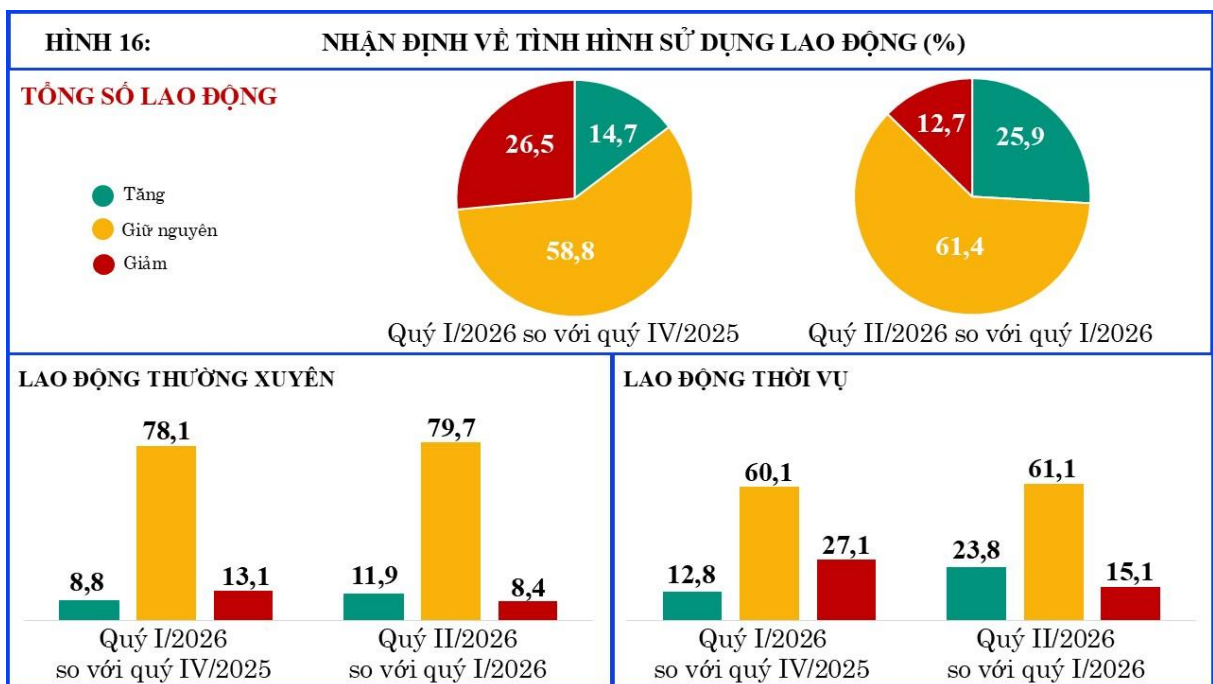
Chỉ số cân bằng sử dụng lao động thời vụ quý I/2026 so với quý IV/2025 là -14,3% (12,8% doanh nghiệp dự báo tăng và 27,1% dự báo giảm)²³. Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026 tăng với 8,7% (23,8% doanh nghiệp dự báo tăng và 15,1% dự báo giảm).

2. Biến động của các yếu tố đầu vào

2.1. Sử dụng lao động

Kết quả khảo sát quý I/2026 cho thấy, có 14,7% doanh nghiệp nhận định lao động trong doanh nghiệp tăng so với quý IV/2025; 58,8% doanh nghiệp nhận định lao động không đổi và 26,5% doanh nghiệp nhận định lao động giảm²⁴.

Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026 có 25,9% doanh nghiệp nhận lao động tăng; 61,4% doanh nghiệp nhận định không đổi và 12,7% doanh nghiệp nhận định lao động giảm.



Lao động thường xuyên

Quý I/2026 có 8,8% doanh nghiệp nhận định lao động thường xuyên tăng so với quý IV/2025; 78,1% doanh nghiệp nhận định không đổi và 13,1% doanh nghiệp nhận định giảm. Dự báo quý II/2026, có 11,9% doanh nghiệp nhận định lao động thường xuyên tăng so với quý I/2026; 79,7% doanh nghiệp nhận định không đổi và 8,4% doanh nghiệp nhận định giảm.

²³ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 3,3% (21,0% doanh nghiệp dự báo tăng và 17,7% dự báo giảm).

²⁴ Chỉ số tương ứng quý IV/2025: 23,0% doanh nghiệp nhận định tăng; 60,0% không đổi và 17,0% doanh nghiệp nhận định giảm.

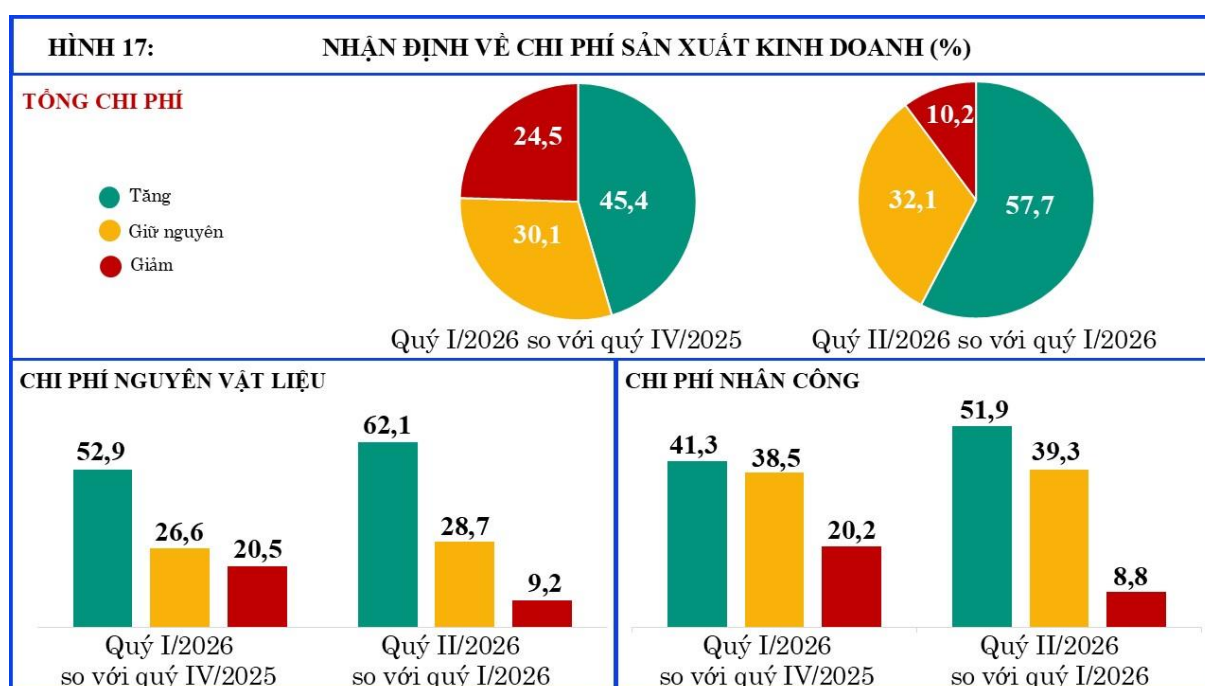
Lao động thời vụ

Theo kết quả khảo sát, quý I/2026 có 12,8% doanh nghiệp nhận định lao động thời vụ tăng so với quý IV/2025; 60,1% doanh nghiệp nhận định không đổi và 27,1% doanh nghiệp nhận định giảm. Dự báo quý II/2026, có 23,8% doanh nghiệp nhận định lao động thời vụ tăng so với quý I/2026; 61,1% doanh nghiệp nhận định không đổi và 15,1% doanh nghiệp nhận định giảm.

2.2. Chi phí sản xuất

Quý I/2026, có 45,4% doanh nghiệp nhận định tổng chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm tăng so với quý IV/2025; 30,1% doanh nghiệp nhận định không thay đổi; 24,5% doanh nghiệp nhận định tổng chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm giảm²⁵.

Dự báo quý II/2026 so với quý I/2026 có 57,7% doanh nghiệp dự báo tổng chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm tăng; 32,1% doanh nghiệp dự báo không đổi và 10,2% doanh nghiệp dự báo tổng chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm giảm.



Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Kết quả khảo sát cho thấy trong quý I/2026, có 52,9% doanh nghiệp nhận định chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tăng so với quý IV/2025; 26,6% doanh nghiệp nhận định không đổi và 20,5% doanh nghiệp nhận định giảm. Dự báo quý II/2026, có 62,1% doanh nghiệp dự báo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tăng so với quý I/2026; 28,7% doanh nghiệp nhận định không đổi và 9,2% doanh nghiệp dự báo giảm.

²⁵ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 47,9% nhận định tăng so với quý III/2025; 36,0% doanh nghiệp đánh giá tổng chi phí trên một đơn vị sản phẩm không thay đổi và 16,1% nhận định giảm.

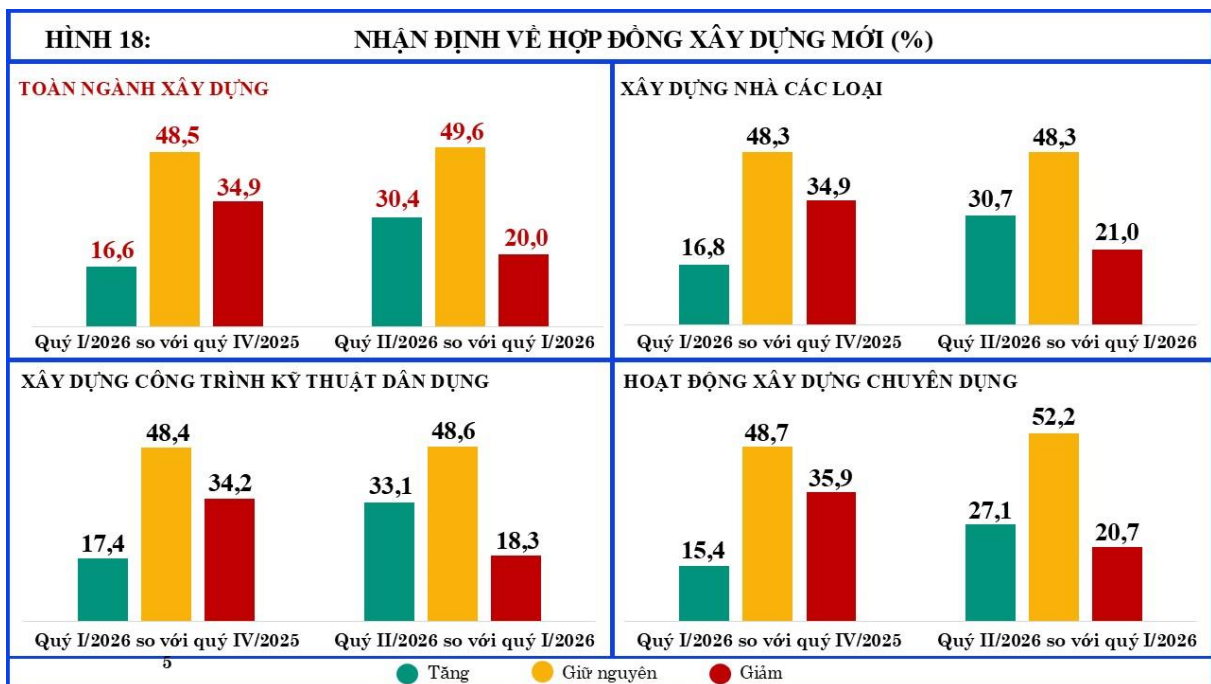
Chi phí nhân công trực tiếp

Quý I/2026, có 41,3% doanh nghiệp nhận định chi phí nhân công trực tiếp tăng; 38,5% doanh nghiệp nhận định chi phí nhân công trực tiếp không đổi và 20,2% doanh nghiệp nhận định chi phí nhân công trực tiếp giảm so với quý IV/2025. Quý II/2026, có 51,9% doanh nghiệp dự báo chi phí nhân công trực tiếp tăng so với quý I/2026; 39,3% doanh nghiệp nhận định không đổi; 8,8% doanh nghiệp dự báo chi phí nhân công trực tiếp giảm.

2.3. Hợp đồng xây dựng mới

Quý I/2026, có 65,1% doanh nghiệp nhận định số lượng hợp đồng xây dựng mới tăng và không đổi so với quý IV/2025 (16,6% doanh nghiệp nhận định tăng; 48,5% doanh nghiệp nhận định không đổi); có 34,9% doanh nghiệp nhận định số lượng hợp đồng xây dựng mới giảm²⁶.

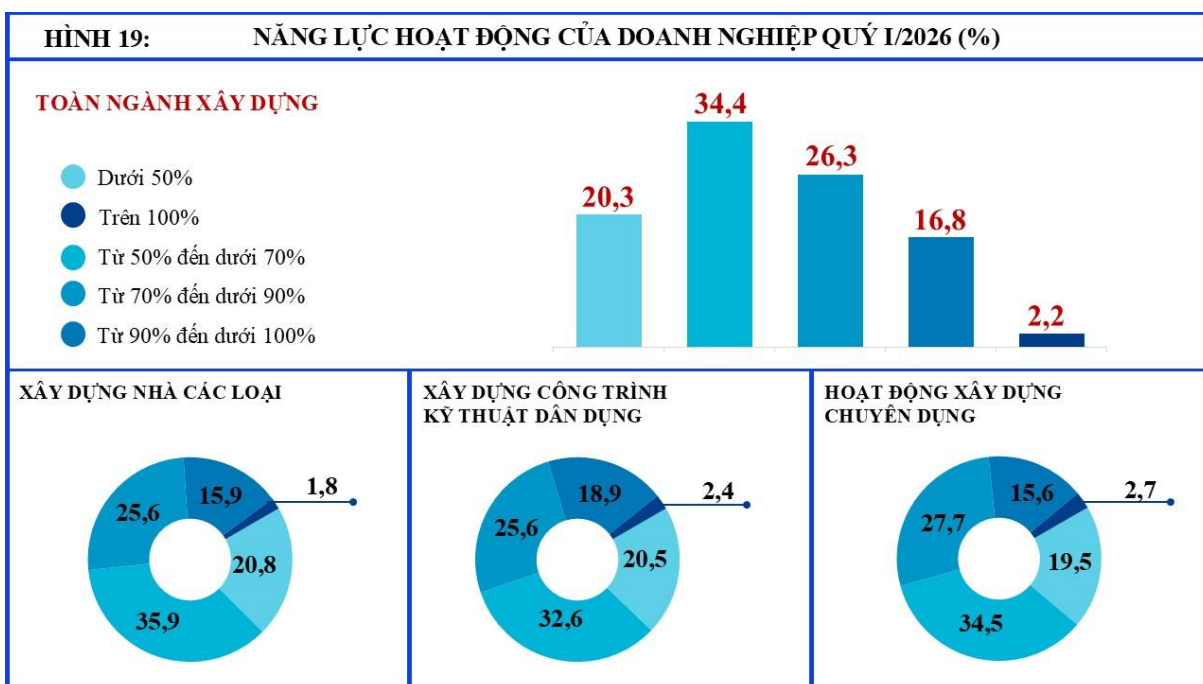
Dự báo quý II/2026, các doanh nghiệp nhận định hợp đồng xây dựng mới tăng hơn quý I/2026 với 80,0% doanh nghiệp nhận định tăng và không đổi (30,4% doanh nghiệp nhận định tăng; 49,6% doanh nghiệp nhận định không thay đổi); 20,0% doanh nghiệp nhận định số lượng hợp đồng xây dựng mới giảm.



²⁶ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: có 77,1% doanh nghiệp nhận định số lượng hợp đồng xây dựng mới tăng và không đổi so với quý III/2025 (24,4% doanh nghiệp nhận định tăng; 52,7% doanh nghiệp nhận định không đổi); có 22,9% doanh nghiệp nhận định số lượng hợp đồng xây dựng mới giảm.

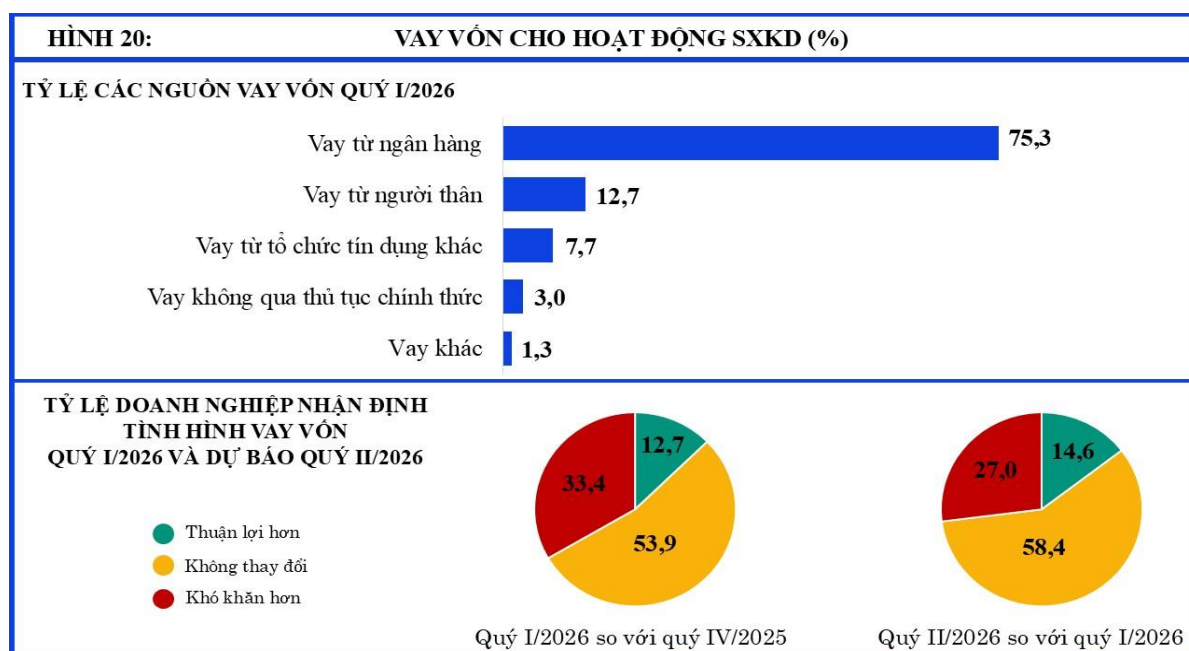
2.4. Năng lực hoạt động của doanh nghiệp

Kết quả khảo sát quý I/2026 cho thấy: có 20,3% doanh nghiệp đánh giá hoạt động dưới 50% năng lực thực tế của doanh nghiệp; 34,4% doanh nghiệp đánh giá năng lực hoạt động từ 50% đến dưới 70% năng lực thực tế; 26,3% doanh nghiệp đánh giá năng lực hoạt động từ 70% đến dưới 90%; 16,8% doanh nghiệp đánh giá năng lực hoạt động từ 90 đến 100%; 2,2% doanh nghiệp đánh giá doanh nghiệp hoạt động trên 100% năng lực thực tế của doanh nghiệp.



3. Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh

Kết quả khảo sát quý I/2026 cho thấy, có 77,2% doanh nghiệp vay vốn cho hoạt động SXKD²⁷.



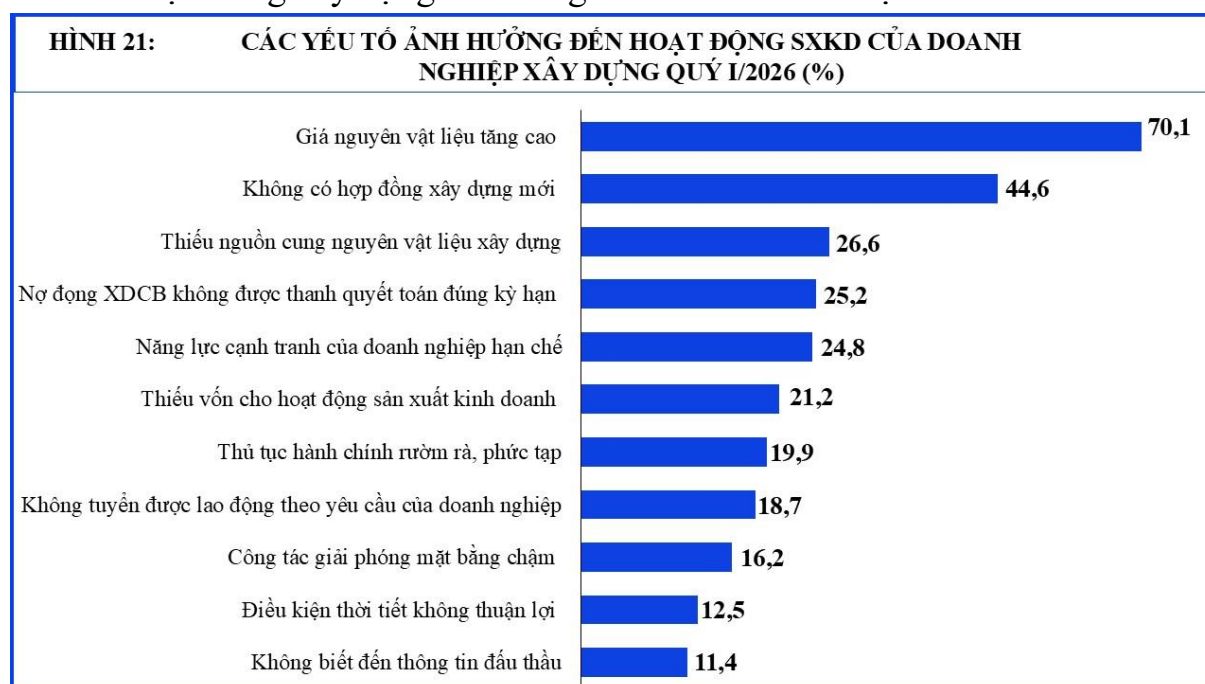
²⁷ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 75,7% doanh nghiệp vay vốn phục vụ SXKD.

Trong số các doanh nghiệp có vay vốn, 75,3% doanh nghiệp vay ngân hàng; 12,7% doanh nghiệp vay người thân, bạn bè; 7,7% doanh nghiệp vay tổ chức tín dụng khác; 3,0% doanh nghiệp vay nhân viên ngân hàng, tổ chức tín dụng không qua thủ tục chính thức; 1,3% doanh nghiệp vay từ các nguồn khác. Trong số các doanh nghiệp có vay vốn ngân hàng phục vụ SXKD, chỉ có 31,1% doanh nghiệp tiếp cận được các khoản vay ưu đãi; 68,9% doanh nghiệp không tiếp cận được các nguồn vay ưu đãi²⁸.

Nhận định về tình hình vay vốn cho hoạt động SXKD, có 12,7% doanh nghiệp nhận định vay vốn quý I/2026 thuận lợi hơn quý IV/2025, 53,9% doanh nghiệp nhận định không thay đổi, 33,4% doanh nghiệp nhận định vay vốn khó khăn hơn. Dự báo quý II/2026, có 14,6% doanh nghiệp nhận định vay vốn thuận lợi hơn quý I/2026, 58,4% doanh nghiệp nhận định không thay đổi, 27,0% doanh nghiệp nhận định vay vốn khó khăn hơn.

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp

Theo kết quả khảo sát quý I/2026, giá nguyên vật liệu tăng cao có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp xây dựng với 70,1% doanh nghiệp nhận định gặp khó khăn do yếu tố này. Tiếp theo là tình trạng không có hợp đồng xây dựng mới, ảnh hưởng tới 44,6% doanh nghiệp, phản ánh nhu cầu thị trường xây dựng các tháng đầu năm vẫn còn hạn chế.



Bên cạnh đó, hoạt động SXKD của doanh nghiệp còn chịu tác động từ nhiều yếu tố đầu vào khác, cụ thể:

- Về nguồn vốn, có 21,2% doanh nghiệp gặp khó khăn do thiếu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; 25,2% doanh nghiệp khó khăn do tình trạng nợ

²⁸ Chỉ số tương ứng của quý IV/2025: 35,2% doanh nghiệp tiếp cận được các khoản vay ưu đãi; 64,8% doanh nghiệp không tiếp cận được các nguồn vay ưu đãi.

động xây dựng cơ bản không được thanh quyết toán đúng kỳ hạn, gây áp lực lớn tới dòng tiền và khả năng quay vòng vốn của doanh nghiệp.

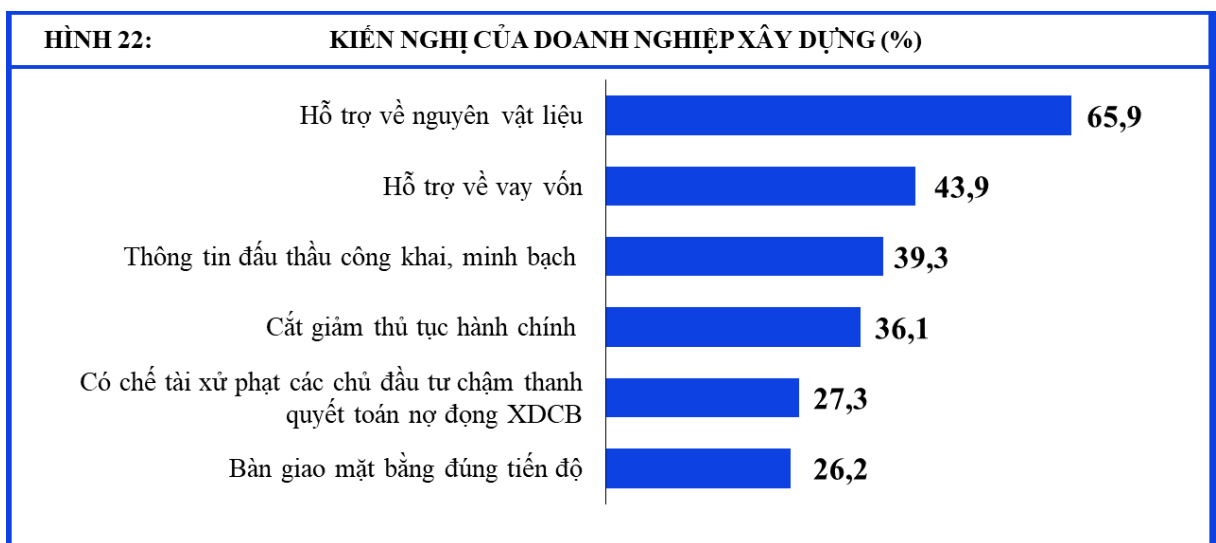
- Về lao động, có 18,7% doanh nghiệp cho biết gặp khó khăn trong việc tuyển dụng lao động đáp ứng yêu cầu. Nguyên nhân chủ yếu do thiếu hụt lao động có tay nghề trong khi nhu cầu tăng, cùng với sự cạnh tranh mạnh từ các ngành khác có điều kiện làm việc ổn định hơn. Bên cạnh đó, đặc thù công việc nặng nhọc, rủi ro cao và yêu cầu kỹ năng, chứng chỉ ngày càng khắt khe khiến nguồn lao động phù hợp bị thu hẹp, thu nhập chưa thực sự ổn định, phụ thuộc tiến độ công trình cùng với tình trạng lao động dịch chuyển sau Tết cũng làm giảm khả năng thu hút và giữ chân nhân lực.

- Về nguồn cung nguyên vật liệu xây dựng, có 26,6% doanh nghiệp khó khăn do giá vật liệu biến động mạnh, nguồn cung một số loại bị siết chặt khai thác và thủ tục cấp phép kéo dài. Bên cạnh đó, chi phí vận chuyển tăng và gián đoạn logistics khiến việc cung ứng không ổn định.

Ngoài ra, một số yếu tố khách quan cũng ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp xây dựng, cụ thể: có 19,9% doanh nghiệp khó khăn do thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp; 16,2% doanh nghiệp khó khăn do công tác giải phóng mặt bằng chậm; 12,5% doanh nghiệp khó khăn do điều kiện thời tiết không thuận lợi; 11,4% doanh nghiệp khó khăn do không biết đến các thông tin đấu thầu nên làm giảm cơ hội ký kết thêm các hợp đồng xây dựng mới.

Xét về năng lực của doanh nghiệp, có 24,8% doanh nghiệp cho rằng năng lực cạnh tranh còn hạn chế là yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia đấu thầu và ký kết các hợp đồng xây dựng mới.

5. Kiến nghị của doanh nghiệp



Nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động SXKD, các doanh nghiệp và nhà thầu xây dựng kiến nghị Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ phù hợp. Cụ thể, (1) Có 65,9% doanh

nghiệp đề nghị được hỗ trợ về nguyên vật liệu xây dựng; (2) 43,9% doanh nghiệp đề nghị được hỗ trợ về vốn cho SXKD như được vay vốn ưu đãi, thủ tục vay vốn thuận lợi và nhanh chóng hơn, giảm lãi suất cho vay; (3) 39,3% doanh nghiệp đề nghị công khai, minh bạch các thông tin về đấu thầu; (4) 36,1% doanh nghiệp đề nghị tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho doanh nghiệp rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính; (5) 27,3% doanh nghiệp đề nghị phải có chế tài xử phạt các chủ đầu tư chậm thanh quyết toán nợ đọng xây dựng cơ bản để giúp doanh nghiệp xoay vòng vốn hiệu quả và nâng cao hiệu quả hoạt động; (6) 26,2% doanh nghiệp đề nghị được bàn giao mặt bằng sạch đúng kế hoạch để đảm bảo thời gian thi công đúng hợp đồng đã ký kết.

CỤC THỐNG KÊ